

PHẦN MƯỜI BA

VIỆC HỌC, VIỆC THI

Theo như lời trong “Lập học chiếu” ⁽¹⁾ thì sau khi đại định, vua Quang Trung cũng rất tỏ ý sùng đạo Nho, lưu tâm yêu kẻ sĩ, mong được những tay có thực tài ra giúp việc.

Tại các dân xã đều cho lập nhà xã học : chọn trong đám nho sĩ hàng xã lấy người có học, có hạnh, đặt làm xã giảng dụ để dạy những học trò trong hàng xã mình.

Các đèn từ ở các phủ vẫn để cho dân bản hạt nhận giữ, nhưng dùng chung làm trường học hàng phủ. Triều đình sẽ bỏ một viên phủ huấn đạo đến dạy lại đó.

Gặp khoa thi hương thì lựa lấy những hương tú tài : hạng ưu được thăng vào quốc học : hạng thứ, cho vào phủ học.

Đối với các ông công triều Lê, phàm những người tại quán chưa nhậm chức gì, nhà vua cũng muốn dùng cả. Ngài có ban chiếu bảo họ đến cửa khuyết đình để lựa bổ sung những chức như huấn đạo, tri huyện. Còn các cựu nho sinh và các cựu sinh đồ đều phải đợi có khoa thi thì thi : hạng ưu được đỗ ; hạng liệt phải bãi về xã học.

Đến hạng sinh đồ mua bằng ba quan ⁽²⁾ ở triều Lê trước thi đều bị loại về hạng “dân” hết thấy : cũng phải chịu giao dịch như dân thường.

Ngoài những việc dùng chữ Nho, sùng đạo Nho, trọng kẻ sĩ ấy ra, vua Quang Trung còn trọng dụng cả tiếng mẹ đẻ nữa.

¹ Bài chiếu này chép trong tập Hàn các anh hoa của Ngô Thì Nhậm.

² “Tam quán sinh đồ”.

Thầy Nguyễn Thiệp, danh sĩ Nghệ An học rộng, đạo cao đáng làm mực thước cho hậu học, nhà vua nhiều lần sai đem vàng lụa làm sính lễ, mời Thiệp ra giúp chính sự, song Thiệp không chịu xuất chinh nên nhiều lần trả lại các sinh nghi của Triều đình.

Dẫu vậy, không chịu bỏ phí nhân tài, vua Quang Trung có nhờ Nguyễn Thiệp dịch *Kinh Truyện* ra tiếng Nôm để tiện việc truyền bá đạo lý Không, Mạnh trong dân chúng.

Vâng mệnh vua Quang Trung, Thiệp đã làm được một ít sách, nhưng chưa xong trọn thì vua Quang Trung mất. Rồi những dịch phẩm bằng Nôm ấy đều bị tịch thu, thiêu hủy, xóa nhòa theo dấu tích triều đại Tây Sơn !

Cũng một ý trọng dụng tiếng nôm ấy, ngay từ khi làm Đại nguyên súy, tổng quốc chính, Bình vương, ngài đã đem tiếng mẹ đẻ ứng dụng trong công văn như ở tờ chiếu gửi cho La Sơn phu tử :

Chiếu truyền La Sơn phu tử Nguyễn Thiệp khâm tri :

Ngày trước, ủy cho phu tử về Nghệ An trông địa, làm đô cho kịp kỳ này hội ngự. Sao về tới đó chưa thấy dựng việc nhỉ ? Nên hãy giả hội Phá xuân kinh, hưu tức sĩ tốt.

Vậy chiếu ban hạ, phu tử tảo ghi dữ trấn thủ Thận công sự, kinh chi, doanh chi : tướng địa tu đô tại Phù thạch hành cung sảo hậu cận sơn. Kỳ chính địa phòng tại dân cư chi gian hay là đầu cát địa khả đô, duy phu tử đạo nhãn giám định, tảo tảo tốc thành. Ủy cho trấn thủ Thận tảo lập cung điện kỳ tam nguyệt nội hoàn thành, đặc tiện giá ngự. Duy phu tử vật dĩ nhàn hốt thị Khâm sai ! Đặc chiếu.

Thái đức thập nhất niên (1788), lục nguyệt, sơ nhất nhật ⁽¹⁾.

Hiện nay người ta còn truyền tụng hai câu dưới đây do sự mĩa mai đặt ra mà gán là lời chiếu “Cầu hiền” của triều Tây Sơn :

Hễ cha mô dù có chi giỏi giang,

Dù mẹ đũa chằng suy tâm ủy dụng.

Lại tục truyền một dật sự ở triều Quang Trung :

Nguyên bấy giờ có ông Mộc (?) và ông Đào (?) cùng đỗ tiến sĩ, nhưng ai cũng cậy mình hay chữ, không đảng nào chịu nhường đảng nào đi trước. Việc tranh giành cãi cọ ấy phải nhờ đến lệnh phán xử của nhà Vua.

Vua Quang Trung bèn hạ chỉ phán bảo : “Sai lính đánh một hồi trống, mỗi người làm một bài phú, hễ dứt hồi trống mà ai xong trước thì là

¹ Trần liệt phẩm của ông Hoàng Xuân Hãn bày ở khu lịch sử trong hội chợ Hà Nội năm 1941-1942. Nguyên văn có nhiều câu xen lẫn chữ Hán, tưởng nên giải nghĩa cho rõ như sau này :

“Chiếu truyền cho thầy La Sơn Nguyễn Thiệp kinh cẩn biết rằng : Ngày trước phó thác cho thầy về Nghệ An xem đất làm kinh đô để cho ta kịp lúc này về ngự, sao khi ta về tới đó, chưa thấy thầy làm xong việc ấy nhỉ ? Vậy nên ta hãy phải trở về kinh Phú Xuân (Huế) để ngự và cho quân lính nghỉ ngơi.

Vậy nay thấy chiếu này ban xuống, thầy sớm nên cùng trấn thủ Thận cộng sự : lo liệu công việc kinh doanh. Nên xem đất mà sửa dựng kinh đô, cấm chỗ chính địa phóng vào khoảng dân gian ở sau phía hành cung Phù Thạch ; gần về mạn núi. Hoặc giả chỗ nào là nơi đất tốt có thể đóng đô được thì tùy như con mắt đạo pháp của thầy định liệu miễn là sớm làm cho chóng xong. Rồi giao cho trấn thủ Thận sớm lập cung điện, hạn nội ba tháng thì hoàn thành để ta được tiện về ngự. Thầy chớ nên coi thường việc ấy, Kính thay, lời đặc chiếu này !”.

Ngày mồng một, tháng sáu, năm Thái Đức thứ mười một (1788).

người hay chữ”. Đào làm bài “Nghè Đào Phú”, Mọc làm bài “Nghè Mọc Phú”.

Trong khi nghề Đào mới được một đôi câu (trong có câu : *Kỳ lạc đào đào*) thì nghề Mọc đã ứng khẩu làm xong bài phú theo cái đầu đề tên mình :

Hữu nhất nhân hề : Dẫn đui ếch, vênh râu trê.

Giàu vỏ quạch, cái môi thâm xít.

Rượu hăng dê, con mắt đỏ hoe.

Không rằng không, có cũng rằng không, nghề ngôn chuyện ai nào dám địch ?

..... (Lược. Vì vé này nói nhả).

Thử sở dĩ trước là thằng Mọc, này đồ ông nghề giả dư !

Đó chắc là những chuyện chế giễu do mấy nhà trào phúng Bắc Hà ở đương thời hoặc đầu triều Nguyễn bịa đặt ra để mỉa mai vua Quang Trung không quý hán văn hoặc để công kích cái chính sách nhà vua bấy giờ dùng văn nô trong chiếu biểu phú, thi... mà theo ý họ, là một lối “nôm na mách quế”.

Nhưng nhân hai câu chiếu văn và chuyện dật sự trên đây, ta lại xét đến nhiều bài văn ở triều Cảnh Thịnh (1793-1800) Bảo Hưng (1801-1802), tuy là quân quốc trọng sự mà cũng dùng nôm, như : *Canh thân (1800) xuân, nghĩ Diệu Quận quân thứ, quốc âm hiểu văn*⁽¹⁾ – *Dạ nhi súy quốc âm chiếu văn*⁽²⁾ và *Kỷ mùi (1799) đông, nghĩ ngự điện Võ hoàng*

¹ Xem Quốc văn đời Tây Sơn của H.T.T. tr 44-49.

² Xem Quốc văn đời Tây Sơn của H.T.T. tr 26-31.

hậu lang ⁽¹⁾, v.v... thì đủ biết sự dùng quốc âm trong văn đường bộ đã hầu thành “gia sáo” và thói quen của nhà Tây Sơn rồi. Vậy nay có thể quả quyết : vua Quang Trung đã mạnh bạo đánh đổ cái thành kiến, cái tập quán hàng ngót hai nghìn năm chỉ quý Hán văn, không dám trọng dụng tiếng Việt.

Ngoài những chứng cứ bằng bức chiếu văn gửi cho La Sơn phu tử những mẫu dật sự như đã thấy rõ ở trên, các tuyên văn và dã sử còn cho ta biết thêm :

1. Mỗi khoa thi, cứ đệ tam trường (kỳ thứ ba) các sĩ tử phải làm thơ phú bằng quốc âm.

2. Đời Tây Sơn, việc cai trị thường hay dùng chữ nôm... Khi thi cử, thường bắt quan (có lẽ sót chữ *trường*) ra bài bằng chữ nôm... ⁽²⁾.

Vua Quang Trung lại muốn chấn hưng việc học toàn quốc, nên sau khi xem xét bài biểu của Nguyễn Thiệp nói về ba điều quân đức dân tâm và học pháp ⁽³⁾, ngài rất chú ý và muốn thực hành. Qua năm Quang Trung thứ năm (1792), định thiên đô về Nghệ An, dựng nhà Sùng Chính thư viện, cử Nguyễn Thiệp làm viện trưởng, giữ việc giáo dục quốc dân. Nhưng chưa kịp thực hiện thì vua Quang Trung đã mất.

ĐỐI VỚI TÔNG GIÁO

Cũng như các triều đại khác, triều Quang Trung cũng tôn sùng đạo Nho, đạo Phật và đạo Bách Thần.

¹ Xem Quốc văn đời Tây Sơn của H.T.T. tr 35-40.

² Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim, in lần thứ ba, (Tân Việt Sài Gòn, 949) trang 382.

³ Quân đức : Vua nên theo cái đạo Thánh Hiền mà trị nước.

Có điều đáng chú ý là, khi Tây Sơn cầm chính quyền, đạo Gia Tô cũng được tiến hành tấn tới. Chúng có ấy ta thấy ở câu này trong bức thư của giáo sĩ Le Roy gửi cho Blandin, đề ngày 18 tháng bảy 1793 : “Từ khi nhà Tây Sơn lên làm chủ, tôn giáo được tấn bộ”⁽¹⁾.

Nhà Vua có ý muốn chấn chỉnh Phật Giáo trong nước, nên đối với những sư nào không xứng đáng thì bắt hoàn tục làm ăn ; chỉ cho những tăng nhân nào có đạo đức, có học thức, mới được trụ trì ở chùa chiền để quy y Phật ⁽²⁾.

Ngài lại muốn cho sắc tướng chôn thiên môn được trang nghiêm, nên xuống chiếu bắt bỏ bớt những chùa nhỏ ở các làng, truyền đem gỗ gạch làm chung ở mỗi phủ, mỗi huyện một ngôi chùa rất to tát rất đồ sộ, rất đẹp đẽ⁽³⁾.

Ngoài ra, triều Quang Trung cũng làm cái việc phong sắc cho bách thần theo như lẽ lối từ đời vua Lý Cao Tông (1176-1210) truyền lại ⁽⁴⁾.

Ngày 22 tháng sáu, năm Quang Trung thứ năm (1792) triều đình có ban sắc cho vị thần là Đổ công đại vương, trong sắc văn có hai vế đối như :

Cứu phục thanh di, cộng lạc thái bình chi cảnh tượng

¹ Nouvelles lettres édifiantes, trang 214.

² Việt Nam sử lược (Trần Trọng Kim, nhà in Vĩnh và Thành.

³ — nt —

⁴ Năm mậu thân, niên hiệu Thiên tư gia thụ thứ ba (1188) vua Lý Cao Tông đi thăm các núi sông, hễ thặng dư đi đến đâu thì ban phong hiệu cho thần kỳ và sai lập miếu thờ cúng đến đó. (Cương mục quyển 5, tờ 23b).

Tam linh hòa yển, vĩnh kỳ thân tích chi hưu trình

Dịch nghĩa :

Lặng trong chín cõi, vui chung cảnh đẹp thái bình,

Yên ổn ba linh⁽¹⁾, ban mãi phúc lành rộng rãi.

Trên tám sắc mực đen giấy vàng này có đóng cái ấn son đỏ đề bốn chữ triệu “hòa nhu chi bảo”⁽²⁾

THIÊN HẠ ĐẠI TÍN BÀI

Đề đi đến con đường đánh Thanh, vua Quang Trung từ khi lên cầm quyền chính hết sức chấn chỉnh vũ bị, sửa soạn chiến tranh.

Sở đình bảy giờ, sau bao cơn loạn ly, không được minh bạch, nhất là từ miền Linh Giang (sông Gianh) ra ngoài Bắc, dân số ảm lụi còn nhiều.

Vả, bảy giờ nhà Vua ngày đêm cùng các tướng tá mưu việc Bắc phạt. Ai nấy đồng thanh : “Việc cần kíp ngày nay là phải biết đúng số dân để tiện việc tuyển lính”. Ngài lấy làm phải, nên tháng sáu, năm Quang Trung thứ ba (1790), hạ chiếu sai các trấn phải đốc các dân xã cải tu sở đình, chia làm bốn hạng :

1.– Hạng vị cấp cách : từ 9 đến 17 tuổi.

2.– Hạng tráng : từ 18 đến 55 tuổi.

¹ Tức là thiên thần địa thần và nhân thần.

² Đạo sắc này có trưng bày trong khu lịch sử ở Hội chợ Hà Nội năm 1941-1942

3.– Hạng lão : từ 56 đến 60 tuổi.

4.– Hạng lão nhiều : từ 61 tuổi trở lên.

Để tránh sự ản lậu, nhà vua sai chiếu theo sổ định, phát cho mỗi người một cái thẻ, gọi là “tín bài” trong in bốn chữ lớn “Thiên hạ đại tin”⁽¹⁾

Trên mặt thẻ ở chỗ hồi văn bốn bên thì đề tên, quê quán và in đầu ngón tay tả của người có thẻ để làm tin.

Tín bài ấy ai cũng phải đeo, gặp người xét hỏi thì phải đưa trình. Ai không có thẻ, ấy là lậu dân, hoặc phải bắt xung làm phòng quân hoặc phải đem xuống tàu cho đi những nơi đất rộng miền rừng núi. Trách nhiệm ản lậu ấy, tổng trưởng (chánh tổng), lý trưởng phải chịu.

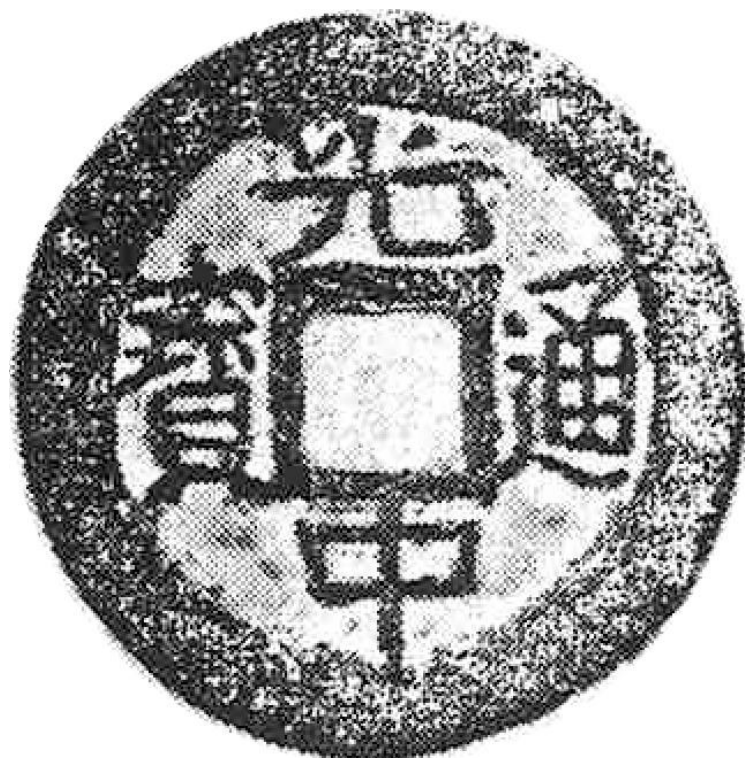
ĐÚC TIỀN ĐỒNG

Sau khi lên ngôi, vua Quang Trung có cho đúc một thứ tiền bằng đồng để tiêu dùng trong nước.

Hồi năm 1937, một nhà từ thiện ở làng Cót (trước thuộc Hà Đông nay thuộc Hà Nội) có đứng tên xây một cái cầu bắc qua sông Tô Lịch. Khi đào lòng sông để xây móng chân cầu, người ta có nhặt được mấy đồng tiền đồng về đời Quang Trung. Mấy đồng tiền ấy (coi ảnh phóng đại) khuôn khổ cũng bằng những đồng tiền đồng “Gia Long” “Giáp biên có gờ theo vành tròn, gờ lõ có cái gờ theo hình lỗ vuông. Mặt trái thì trơn, có bốn hình vành cung day lưng vào lỗ vuông, mặt phải thì có bốn chữ “*Quang Trung thắng bảo*”. (xem ảnh trang sau).

¹ Đến năm Cảnh Thịnh thứ nhất (1793) Nguyễn Quang Toản bãi bỏ tín bài.

Năm Quang Trung thứ tư (1791) có lẽ vì dự bị làm binh khí để đánh Mãn Thanh và đúc tiền đồng để rộng tài nguyên, nên nhà vua hạ lệnh thu hết các thứ đồng tốt trong nước.



Đồng tiền : “Quang Trung thông bảo” (chữ “bảo ở đồng tiền này viết kép). – Xem mục “Đúc đồng tiền” ở trang

Đồng dưới : “Cảnh Thịnh thông bảo” (Cảnh Thịnh, 1793-1800 là niên hiệu của Nguyễn Quang Toàn, con vua Quang Trung). Hai đồng tiền này đường kính nguyên hình đều 0th.025.

PHÁ LỆ CÔNG NGƯỜI VÀNG

Khi Việt, Thanh đã giảng hòa, tổng đốc Lương Quảng Phúc Khang An có đưa thư bảo vua Quang Trung rằng mỗi khi thay triều đổi họ, nhà nào bên Nam cũng công người vàng để làm tạ lễ, thì nay Tây Sơn cũng nên sắm người vàng để đưa sang Thanh.

Nói đến lệ công người vàng ⁽¹⁾, ta nên xét kỹ lịch sử nó đã. Có rõ những nỗi khó khăn, trọng đại của việc này, bấy giờ mới biết cái công phá được lệ công người vàng là vĩ đại.

Nguyên xưa, Lê Lợi giận nhà Minh tàn ngược, nổi lên từ Lam Sơn. Ròng rã ngót mười năm trường (1418-1427) mới đuổi được giặc Minh về nước. Trong khi tấn công giặc Minh ấy, đại tướng Lê Nhân Chú bắt sống được An Viễn hầu Liễu Thăng ở Chi Lăng (thuộc Ôn Châu trấn Lạng Sơn) ngày 18 tháng 9 năm đinh mùi (1427). Rồi viên tướng Minh ấy phải đem thân đền trả cái nợ tàn khốc vô nhân đạo của đồng bào họ đã ngược đãi người Nam.

¹ Trong tờ bảm về việc “Biện đại nạp kim nhân” ở tập Bang Giao hảo hoại của Ngô Thì Nhậm có nói : “Xét ra lệ ấy bắt đầu từ năm người Nguyên đánh Nhà Trần. Nước Nguyên thấy vua Trần kiếm cơ bị bệnh, từ chối không chịu vào triều cận, bèn bảo phải đúc người vàng làm hình dáng quốc vương để thay vào châu, nhưng vua Trần cãi rằng việc không phải là lệ từ xưa, nên được miễn”.

Tuy đã dẹp yên giặc Minh, nhưng nhân dân còn mang một vết thương rất nặng vì bao năm tranh chiến. Muốn chữa cho họ mau lành, vua Lê Thái Tổ (1428-1433) có làm mấy việc quyền nghi trong lúc triều đình ngoại giao, không nghe quốc dân xui giục về việc thẳng tay giết hết giặc Minh cho hả lòng bầy nay căm giận, nên khi đã ký hòa nghị rồi, ngài tha cho bọn quan, lại, quân, dân nhà Minh được về đến hơn 86.000 người, lại cấp cho bọn Vương Thông, tướng Minh, hơn 500 chiếc thuyền và vài ngàn cỗ ngựa để cho toàn hoạt về nước. Đó đúng như trong bài *Bình Ngô Đại Cáo* đã nói : “Ta muốn cho được tuyền quân là hơn, và mong cho dân được yên nghỉ” (dịch). Vì ý ngài đã nghĩ như vậy, nên phàm các việc trang trải với người Minh, ngài phải buộc lòng làm theo quyền biến cho được việc một lúc. Chính ngài chẳng những tạm bợ trong việc lập Trần Cao, người giả danh là dòng dõi họ Trần, để cho mau êm chuyện ngoại hoạn, mà ngài lại còn phải quyền nghi làm việc cống người vàng cho khỏi kéo dài mãi nạn can qua.

Nguyên từ năm bính ngọ, niên hiệu Bình Định Vương thứ 9 (1426) vua Lê chiến đấu với giặc Minh đã ngót mười năm ròng rã rồi, lòng ngài bấy giờ chỉ mong sao mau đuổi quân Ngô ra khỏi bờ cõi nước nhà sớm được ngày nào thì nhân dân sớm thoát cái nạn lầm than ngày ấy.

Đến tháng 11 năm đó (bính ngọ, 1426), Vương Thông nhà Minh sau khi trải qua bao trận thất bại, có ý giảng hòa, rút quân kéo về, nhưng không vịn vào danh nghĩa gì để bãi binh được. Thông dựa ngày vào lời chiếu ở đầu niên hiệu Vĩnh Lạc (1403-1424) bảo tìm lập con cháu họ Trần, bèn ngầm khuyên dỗ vua Lê làm việc ấy. Bất đắc dĩ ngài phải đành lòng ưng thuận.

Trước đó, có Hồ Ông trốn ở nhà Cầm Quý, thổ quan, ở Ngọc Ma (nay là phủ Trấn Định thuộc tỉnh Nghệ An) mạo xưng là cháu ba đời vua

Trần Nghệ Tông (1370-1373), vua Lê bèn sai đón lập Hồ Ông làm Trần Chúa, đổi tên là Trần Cao, kỷ nguyên là Thiên Khánh, còn ngài thì xưng là Vệ quốc công.

Sau khi được lập làm vua, Cao “ngự” ở núi Không Lộ (thuộc huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây) dưới quyền giám chế của Lê Quốc Hưng do vua Lê sai phái ⁽¹⁾.

Ngay hồi ấy, vua Lê đã thay Trần Cao, đưa tờ biểu sang nhà Minh xin phong cho Cao, nhưng nhà Minh cứ làm lơ, không nói sao cả. Qua năm đinh mùi, niên hiệu Bình Định Vương thứ 10 (1427), vua Lê lại sai sứ bộ Lê Thiếu Dĩnh ⁽²⁾ đem biểu văn ⁽³⁾ đi với nhân viên do Vương Thông cất cử cùng sang Yên Kinh để giao thiệp về việc cầu phong này.

Kèm với biểu văn ấy có những phương vật này :

1 pho người vàng thể thân (trong Cương mục quyển 14, tờ 24 chép là 2 pho người vàng thể thân).

1 cái lư hương bằng bạc.

1 cái lọ bạc để cắm hoa.

300 tấm lụa tiến (thổ quyên).

11 đôi ngà voi.

20 bình đựng thứ hương ướp áo.

¹ Cương mục quyển 13, tờ 34.

² Người làng Mộ Trạch huyện Đường An Hải Dương.

³ Nguyên văn bài biểu bằng chữ Hán có chép ở mục sách Phong chi lễ trong loại Bang giao chí sách Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú, khâm định Việt Sử thông giám cương mục quyển 14, tờ 22b-24a có dẫn đại lược đã dịch đăng ở Tri Tân tạp chí số 103, ngày 15 tháng bảy, 1943, trang 571.

30.000 nén hương vòng.

24 khối trầm thơm ⁽¹⁾.

Sau, Lê mất, nhà Mạc (1527-1593) sợ Minh hỏi tội, có đúc người vàng sang công để làm của lót. Và, vì muốn “hồi lộ” thật nhiều cho Minh họ Mạc chắc phải đúc người vàng to hơn và nặng hơn thuở nhà Lê trước.

Năm bính thân, niên hiệu Quang Hưng thứ mười chín (1596) vua Lê Thế Tông (1573-1599) bấy giờ tuy đã khôi phục Thăng Long ⁽²⁾ nhưng còn bị người Minh vạ vạ là không phải thực dòng dõi họ Lê, nên ngài phải thân lên ải Nam Quan để cùng người Minh dự việc hội khám.

Người Minh trùng trình không đến họp, yêu sách người vàng (Cương mục quyền 30, tờ 15).

Rồi vua Lê phái sai lữ Đỗ Uông đem hai pho người vàng, người bạc và công phẩm lên Lạng Sơn để châu chực đưa công, song lại bị người Minh thoái thác bằng lời văn hoa giả dối (Cương mục quyền 30 tờ 18b-19b).

Qua năm Quang Hưng thứ 20 (1597) lại sai Phùng Khắc Khoan ⁽³⁾ đi giao thiệp với người Minh về việc cầu phong. Cũng nhờ Phùng là người có tài ngoại giao, nên mới nói êm được việc người Minh hạch sách người vàng lớn, nhỏ, nặng, nhẹ.

¹ Theo lịch triều hiến chương, loại Bang giao chí, phần Công sinh chi lễ.

² Nhờ sức họ Trịnh vua Lê đuổi được nhà Mạc lấy lại được Thăng Long từ năm Quang Hưng 16 (1593).

³ TỰ HOÀNG PHU, HIỆU NGHỊ TRẠI, NGƯỜI LÀNG PHÙNG XÁ, HUYỆN THẠCH THẮT, TỈNH SON TÂY.

Về việc này, trong truyện *Phùng Khắc Khoan* ở loại *nhân vật chí* sách *Lịch Triều hiến chương* có chép :

“ . . . Đinh Dậu, năm thứ 20, (ông) vâng mạng đi sứ. Bảy giờ người Minh ăn của lót của mâm độc họ Mạc, không chịu đựng nạp ông. Khắc Khoan châu chực, có đưa thư lên xoai-ty, hết sức nói họ Mạc là kẻ cướp ngôi, tội trạng đã rành rành. Nay con cháu nhà Lê gõ cửa quan, chờ mạng lịnh. Nếu Thiên trào phò Mạc nén Lê thì là về hòa với kẻ gian, làm hại người ngay, sao tỏ nghĩa lớn với thiên hạ giữ danh giáo cho muôn đời được nữa ! Người Minh khen, để cho ông vào trong cửa ải. Ông bèn được trẩy tới kinh đô (nhà Minh).

“Khi đã tới Yên Kinh, Lễ bộ đường có trách ông về việc người vàng thể thân không làm đúng y mẫu cũ, họ bèn bắt ông ngừng lại chứ không để cho vào châu, Khắc Khoan cãi : Họ Mạc cướp lần tì danh là nghịch, nhà Lê khôi phục thì danh là thuận. Họ Mạc được theo hình thức làm người vàng thể thân đã là hưởng ơn may mắn lắm rồi. Đến như họ Lê đời đời làm công thân thì hình dáng người vàng đã có mẫu sẵn ở đó. Nay nếu vin lần họ Mạc làm lệ thì sao nêu rõ được cái nghĩa răn dũ, khuyên lành ?

“Lời trạng của ông được thấu đến vua Minh, vua Minh rồi cũng thuận theo cái hình thức của Tiền Lê ⁽¹⁾” (dịch).

Năm Mậu Tuất, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ mười bốn (1718) đời vua Lê Dụ Tông (1705-1728). Binh bộ Hữu Thị Lang Nguyễn Công Hãng làm chánh sứ, sang Thanh, cầu phong cho vua Dụ Tông (Cương mục quyển 35, tờ 21b-22b).

¹ Trong sử sách chữ Hán của ta xưa vẫn quen gọi đời Lê Quang Phục là Tiền Lê (1428-1527), đời Lê Trung Hưng là Hậu Lê (1592-1789).

Về việc này, trong truyện Nguyễn Công Hãng ⁽¹⁾ ở *Tang Thương Ngẫu Lục*, quyển trên tờ 10b-11b có chép :

“ . . . Trước kia, Thái tổ hoàng đế đánh người Minh ở núi Mã Yên (thuộc Ôn Châu, Lạng Sơn) chém được tướng Minh An Viễn hầu Liễu Thăng. Kịp khi nộp công khoản, người Minh trách móc bắt đền, phải đúc người vàng để thay thế nó...

“ . . . Họ Mạc cướp ngôi, người Minh sai Cửu Loan, Mao Bá Ôn sang đánh, Mạc sợ lấy người vàng đúc lót xin hòa.

“Hồi mới Trung Hưng nhà Minh vặn hỏi về việc tự tiện giết chết công thần của Minh là Mạc Mậu Hợp, (nhà Lê) lại phải dùng người vàng để tạ.

“Nhân thế, thành lệ thường cho các triều đại. Ông (Nguyễn Hãng) xin bỏ đi. Bộ viện (nhà Minh) lại đem việc cũ ấy ra hỏi. Ông nói : “Liễu Thăng là tướng nhà Minh kia. Còn nhà Thanh ta rộng có muôn nước, thế mà lại bo bo đòi của lót để báo thù cho người xưa thì lấy gì khuyên được người ta đến với mình ? . . .” (dịch).

Thế rồi bắt đầu từ Nguyễn Hãng, lệ công người vàng và lệ công nước rửa ngọc trai ⁽²⁾ mới ngừng lại được.

¹ Chữ “công” ngày xưa là tiếng tôn xưng. “Chẳng hạn, khi chép về Nguyễn Hãng các cụ xưa thường viết là Nguyễn Công Hãng thì tức như bây giờ viết là ông Nguyễn Hãng. Vậy thiết tưởng nhiều chữ “công” trong tên người xưa phần đông không phải chữ đệm.

² Trong lệ công có món nước ở giếng Cổ Loa để rửa hạt châu. Chuyền Nguyễn Hãng đi sứ (1718) này cũng phải đem công cả nước rửa hạt châu ấy, nhưng dọc đường, ông đánh đổ mất cả, lại múc nước giếng Ba Sơn để đem đi. Khi người Thanh thử dùng, thấy không nghiệm nữa, họ có vặn hỏi ông. Ông trả lời : “Cái

Sau khi xét lại lịch sử, ta nhận thấy việc cống người vàng là bắt đầu từ đời vua Lê Thái Tổ, qua Mạc đến Lê Trung Hưng. Tựu trung ở đời Lê Dụ Tông tuy nhờ tài ngoại giao Nguyễn Hăng mà ta tạm thoát được cái “Nợ Liễu Thăng” trong một lúc ⁽¹⁾ ; nhưng cái nợ này vẫn còn truyền từ nọ đến kia, nên bên ta mỗi một triều đại nào lên, cũng vẫn phải “trả nợ đây” vì yếu thế, lép vế !

Khác hẳn các triều xưa, vua Quang Trung đối với Mãn Thanh, trước đã chiến thắng về quân sự, sau lại chiến thắng về ngoại giao, không khi nào chịu cong lưng gánh cái nợ vô lý và bất công ấy.

Ngài đưa thư phản kháng Phúc Khang An khi viên này lên tiếng yêu sách về việc bắt cống người vàng.

Nguyên văn bức thư ấy là một văn kiện ngoại giao rất quý, trích lục ra dưới đây :

Dịch âm :

“ . . . Tích Trần, Mạc lịch đại dĩ đắc tội ư Trung Quốc, biến đại thân kim nhân, Bản quốc Quốc trưởng khở tự bỏ y, thừa thì tập sự, dữ Lê Vương bản vô hữu quân thân chi phận. Kỳ khứ tựu tại thiên số, hướng hội tạ nhân tâm, phi hữu ý ư Lê chi quốc như soán đoạt giả tử.

“Thả, tiền giả, Tôn bộ đường (Tôn Sĩ Nghị) đề binh nhi lai bản quốc, Quốc trưởng bắt đắc dĩ nhi ứng chi tông vô xâm phạm biên cảnh dĩ đắc tội ư Thượng Quốc.

khí đã đến lâu ngày thì tắt biên đi ! Vì vậy lệ cống “Nước rửa chân” này cũng nhờ ông mà được bãi.

¹ Tham khảo bài “Vấn đề cống người vàng” của Hoa bằng đăng ở Tri Tân những số 101, 103, 104.

“Kim thừa khai ân Trần, Lê, Mạc công kim nhân chi lệ thị bản quốc Quốc trưởng minh chính đắc quốc, phản sai ư Ngụy Mạc chi khoa, nhị nhất niệm cung thuận ư úy thiên sự đại chi thành, phản dữ Trần Cầm Ô Mã Nhi, Lê sát Liễu Thăng đồng luật, bản quốc Quốc trưởng ư tinh hữu khuất, bất năng vô vọng ư quân hành dã.

“Phù cô giả chư hầu triều kiến thiên tử : hoặc triều vu phương nhạc, hoặc cận vu kinh sư. Hữu năng lai giả tự lai bất năng thân lai (giả) khiến kỳ tử đệ nhập thị, qui tại phụng thám, chấp chí, thượng hạ chi tinh thông.

“Chí ư kim nhân thế hình nhập triều : Đường, Ngu, Tam đại dĩ cập Hán, Đường. Tổng vị thường hữu thị !

“Đại nhân (Phúc Khang an) tuyên bố giáo thanh, diệc duy dĩ long cổ trị triều chi lương pháp mỹ ý lệnh chư hạ quốc. Nguyên, Minh nhị đại chi sở vi, sự bất sư cổ, hà túc hiệu dã ?

“Phục vọng truy hiệu quân mệnh, miễn chú biến kim nhân chi sự...
(1)

Dịch nghĩa :

“ . . . Xưa, các đời Trần, Mạc vì có tội với Trung Quốc phải dâng người vàng để thế hình.

Quốc trưởng nước tôi từ bước là một người áo vải, nhân thời thế, vàng lên làm việc, đối với Lê vương vốn không có cái vai lựa ai là vua ai là tôi chi cả. Còn hay mất, là ở số trời ; theo hay là bỏ, là ở lòng người. Quốc trưởng nước tôi có ý lấy nước của Lê đâu mà sánh với kẻ giành cướp được ?

¹ Nguyên văn có chép trong tập Bang giao hảo hoại của Ngô Thì Nhậm.

Và trước đây, Tổng đốc họ Tôn (Sĩ Nghị) đem binh lính đến ; Quốc trưởng nước tôi bắt đắc dĩ phải ưng phó lại chứ không hề xâm phạm bờ cõi để có tội với Thượng quốc.

Nay thấy ngài (Phúc Khang An) , theo lệ Trần, Lê, Mạc cũ mà bắt cống người vàng, thế thì Quốc trưởng nước tôi được nước một cách quang minh chính đại, té ra lại phải liệt vào hàng tiếm ngụy như nhà Mạc, mà chút lòng cung thuận ra từ tác thành sợ Trời, thờ nước lớn lại phải chịu chung một luật như nhà Trần bắt Ô Mã Nhi, nhà Lê giết Liễu Thăng ư ?

Thế thì kể về tình, Quốc trưởng nước tôi có điều bị ức, không thể không trông ở ngài cân nhắc cho vậy.

Này, xưa kia, chư hầu triều kiến thiên tử, hoặc chực ở phương nhạc, hoặc chầu ở kinh sư. Ai đi được thì tự mình đến, ai không thân đi được thì sai con em vào hầu, chỉ cốt dâng ngọc phẩm, tỏ đồ tin, để cho cái tình trên dưới được thông suốt.

Đến như bắt lấy người vàng thế hình vào châu thì suốt từ Đường, Ngu, Tam đại (Hạ, Thương, Chu) đến Hán, Đường và Tống đều chưa làm thế bao giờ.

Ngài đã rao truyền tiếng tằm giáo hóa của thượng quốc cũng nên đem phép hay, ý tốt của triều đại thịnh trị đời xưa mà sai bảo mọi nước dưới, chứ bắt chước làm gì việc làm của Nguyên, Minh không học theo cổ ấy ?

Mong ngài soi xét, miễn cho sự đúc dăng người vàng...

Bức thư phản kháng ấy quả có công hiệu. Vua Thanh phải nhượng bộ, rồi tỏ cái ý (bắt chẳng được, tha làm phúc trong câu thơ này tặng Giả vương ⁽¹⁾ do vua Quang Trung phái sang Thanh năm canh tuất (1790).

Thắng triều vãng sự bí kim nhân !

Nhà Thanh đây cho việc triều trước (thắng triều : triều đã bại) bắt cống người vàng là đáng khinh bỉ !

Thế là vua Quang Trung đã làm được một việc ngoại giao thắng lợi cũng như về quân sự, đã hoàn toàn thắng lợi ở xuân Kỷ Dậu (1789).

Hoa Bông

Hết **PHẦN MƯỜI BA** , Xin Trở Lại: <http://minhtrietviet.net/muc-luc/>

¹ Nguyên văn toàn bài có in trong Đại Nam chính biên liệt truyện, sơ tập quyển 30, tờ 39b và Đại Thanh thật lục.